TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2022
V/v ly hôn,
tranh chấp quyền nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn,tranh chấp quyền nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư HL, khóm M, phường N, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 108A NTMK, khóm P, phường Q, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2021 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2012 bà và ông Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới, sau khi tổ chức lễ cưới ông bà chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày

26/12/2016. Thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không nợ ai. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau nhiều lần hòa giải hàn gắng nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2016 bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Thanh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng và hòa giải nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không lý do.

2. Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2021 và lời trình bày của bà T vào năm 2012 bà và ông T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Việc bà T ông T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Tòa án không công nhận bà T và ông T là vợ chồng; về con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2016 bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu N có nguyện vọng sống với bà T nên đề nghị Tòa án giao hai con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và giải quyết quyền nuôi con là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp quyền

nuôi con, hiện tại ông T đang cư trú tại phường Q, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi thức tổ chức lễ cưới vào năm 2012 thì bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Xét, bà T và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Theo quy định trên việc bà T ông T kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã, phường nơi ông bà cư trú nhưng bà T ông T không thực hiện đúng quy định, vì vậy việc kết hôn giữa ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Thanh T không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2016 hiện tại bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu N là được sống chung với mẹ bà T. Xét sau khi bà T, ông T ly thân, cháu N, cháu T sống với bà Thúy, bà vẫn đảm bảo việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và cháu N có nguyện vọng sống với mẹ bà T nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2016 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T khai không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35,39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14,15, 51, 53, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hạo N, sinh ngày 02/9/2013 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Phương T được tiếp tục nuôi dưỡng và nguyện vọng của con chung cháu N là được sống chung với mẹ bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương T khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T khai không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Phương T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0005999, ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Nguyễn Thị Phương T không phải nộp tiếp.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Lộc